

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29-9-2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Nguyễn Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 451/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Danh Công T, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 4 năm 2022 nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Danh Công T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau thường hay bất hòa, xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn vợ chồng đã được thân tộc hai bên hàn gắn nhiều lần, nhưng không giải quyết được mâu thuẫn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Danh Công T. Trong quá trình chung sống bà và ông T có hai người con chung tên

Danh Ngọc T1, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2008 và Danh Kim T2, sinh ngày 22 tháng 09 năm 2012, con chung do bà đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Danh Công T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông T vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Danh Công T, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H. Ông Danh Công T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Danh Công T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Danh Công T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Danh Công T không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Danh Công T.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị H và ông Danh Công T có hai người con chung tên Danh Ngọc T1, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2008 và Danh Kim T2, sinh ngày 22 tháng 09 năm 2012, con chung do bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung. Tòa án có tổng đạt thông báo thụ lý cho ông Danh Công T nhưng ông T không có ý kiến gì về yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của bà H. Xét thấy, từ khi bà H và ông T không còn chung sống đến nay con chung do bà H trực tiếp nuôi dưỡng và tại các bản tự khai ngày 24 tháng 4 năm 2022 hai người con chung Danh Ngọc T1 và Danh Kim T2 có nguyện vọng được chung sống với bà H. Để bảo đảm quyền lợi của con chung nên Hội đồng xét xử giao hai người con chung tên Danh Ngọc T1, sinh ngày 27 tháng

3 năm 2008 và Danh Kim T2, sinh ngày 22 tháng 09 năm 2012 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Danh Công T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Danh Công T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng, bà H đã nộp tạm ứng 300.000 đồng được đối trừ chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng vào áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm b khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Danh Công T.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao hai người con chung tên Danh Ngọc T1, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2008 và Danh Kim T2, sinh ngày 22 tháng 09 năm 2012 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Danh Công T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0018138 ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, bà H đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H và ông Danh Công T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều

6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Triều